TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 02/8/2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **VTMN**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **NTXH**

2. Bà **BNR**

- T ký phiên tòa: Bà **HMD**- là T ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DD*tham gia phiên tòa*: Bà **PTL**- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DD-LĐxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về *"tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh MVN, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 14, xã VT, TH

Bị đơn: Chị NTT, sinh năm: 1982; Đăng ký Hộ khẩu Tòng trú: Xã VT, huyện VL, TH; Tạm trú tại: NTB, YKH,LL,DD,LL

(*Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh MVN trình bày: Anh và chị NTT sau thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND Xã VT, huyện VL, TH vào ngày 05/01/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian hạnh phúc. Đến đầu năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cãi nhau Tòng xuyên.

Nguyên nhân là do vợ chồng nảy sinh quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm sống không hòa hợp nên đời sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Vợ chồng anh không tìm được tiếng nói chung, dần dần có khoảng cách, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng anh cũng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm để có thể hiểu nhau hơn nhưng đều không được. Vợ chồng cãi nhau ngày càng nhiều, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn, tình cảm vợ chồng không còn. Từ khi xảy ra mâu thuẫn chị T đã chuyển đến huyện DD-LĐsinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị T.

Bị đơn chị NTT tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022 trình bày: Chị và anh N tự nguyện kết hôn, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND Xã VT, huyện VL, TH vào ngày 05/01/2001. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống tại TH, sau đó vợ chồng cùng vào huyện DDsinh sống và làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2007 vợ chồng chị trở về TH thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và anh N đánh đuổi chị nên chị đã dẫn 02 con vào huyện DD-LĐsinh sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, giữa hai vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Chị cũng xác nhận hiện nay chị không còn yêu Tơng, không còn tình cảm vợ chồng gì đối với anh N. Nay anh N yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn vì lý do anh N sống quá tệ bạc, không quan tâm đến vợ con.

Về con chung*:* Anh N và chị T đều xác nhận vợ chồng có 02 người con chung là cháu MVQ, sinh ngày 02/01/2004, MTT, sinh ngày: 14/7/2005. Hiện cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành, cháu T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị T thống nhất xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại buổi hòa giải chị T vắng mặt, do đó Toà án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DDphát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh MVN và chị NTT được ly hôn; về con chung: Giao cháu

MTT cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu nên không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung: Các bên không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đề cập. Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là tranh chấp về ly hôn giữa anh MVN và chị NTT. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Lạc Lâm, huyện DD-LĐnên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DDtheo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh N và chị T đã được UBND Xã VT, huyện VL, TH cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2001, quyển số 01/2001, ngày 05/01/2001, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo anh N thì vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng nảy sinh quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dần dần có khoảng cách, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ khi xảy ra mâu thuẫn chị T đã chuyển tới huyện DD-LĐ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống.

Phía chị T cho rằng vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ đầu năm 2007. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng cãi nhau và anh N đánh đuổi chị nên chị đã dẫn 02 con vào huyện DD-LĐsinh sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, giữa hai vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Lý do chị T không đồng ý ly hôn với anh N vì lý do anh N không tôn trọng, không quan tâm đến chị và con. Trước khi làm đơn ly hôn không hỏi ý kiến chị và hỏi ý kiến con.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T là có thật, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Phía chị T không đồng ý ly hôn nhưng việc vợ chồng sống ly thân chị không quan tâm, không tác động chồng trở về chung sống cùng

chị, chị T cũng xác nhận hiện nay không còn yêu Tơng, không còn tình cảm vợ chồng gì đối với anh N, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại về mặt pháp lý, thực ết tình cảm không còn vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N, cho anh N và chị T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh N và chị T đều xác nhận có 02 người con chung là cháu MVQ, sinh ngày 02/01/2004, MTT, sinh ngày: 14/7/2005. Cháu Q hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành. Phía chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Phía anh N cũng đồng ý giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy đề nghị của anh N và chị T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T từ khi còn nhỏ, hiện nay cháu T được chị T nuôi dưỡng chăm sóc. Mặt khác tại bản tự khai của cháu T ngày 09/7/2022 (búc lục 24) nguyện vọng của cháu T là muốn được ở với mẹ, vì vậy giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị T không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, vì vậy không xem xét đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 207, 220, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh MVN đối với bị đơn chị NTT.

Cho anh MVN và chị NTT được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu MTT, sinh ngày 14/7/2005 cho anh chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc anh MVN phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh N đã nộp theo biên lai thu số 0003991 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DD(anh N đã nộp đủ). Chị NTT không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND Xã VT, huyện VL, TH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VTMN